

Số: 148 /2023/QĐST-HNGĐ

Tân Phú Đông, ngày 16 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 305/68 ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ liên hệ: 303C, ấp C, xã A, thành phố T, tỉnh T;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

Tạm trú: ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Bình Trần Thị Tường V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 28A V, phường T, thành phố T, tỉnh H.

Địa chỉ liên hệ: 132 A N, K, P, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Võ Phương Hồng T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Cháu Phạm Nguyễn Chí K, sinh năm 2006.

Người đại diện theo pháp luật của cháu K: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà T, anh T, chị T, bà H, chị H: Bà Thái Bình Trần Thị Tường V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 28A V, phường T, thành phố T, tỉnh H.

Địa chỉ liên hệ: 132 A N, K, P, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Cháu Nguyễn Thanh D, sinh năm 2005.

Người đại diện theo pháp luật của cháu D: Bà Trần Thị K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Đại lý K.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hộ kinh doanh: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền ông Ra: chị Đinh Thị Thùy T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023.

### **XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Thanh T.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung:

- Chị Trần Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 20/8/2005 và Nguyễn Hoài N, sinh ngày 13/6/2010 và Nguyễn Thành P, sinh ngày 27/9/2017. Anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.200.000 đồng/cháu, thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực đến khi các cháu đủ 18 tuổi và lao động được. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị K và các thành viên trong gia đình chị K không được ngăn cản.

2.3 Về tài sản chung:

- Anh Nguyễn Thanh T được quyền đứng tên, quản lý và sử dụng toàn bộ 08 thửa đất có diện tích qua đo đạc thực tế cụ thể như sau: Thửa 802A diện tích 855,8 m<sup>2</sup>; Thửa 20A diện tích 10.000 m<sup>2</sup>; Thửa 20B diện tích 9354,3 m<sup>2</sup>; Thửa 20C diện tích 7877,7 m<sup>2</sup>; Thửa 704 diện tích 7649 m<sup>2</sup>; Thửa 705 diện tích 7648 m<sup>2</sup>; Thửa 706 diện tích 7500 m<sup>2</sup> (các thửa đất tại ấp L, xã P, huyện Đ); Thửa 3591 diện tích 761,8 m<sup>2</sup> (thửa đất tại ấp K, xã P, huyện Đ). (tất cả có sơ đồ bản vẽ vị trí đất kèm theo)

- Anh T có trách nhiệm giao lại cho chị Kết 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Hai bên đã giao nhận xong ngày 08/8/2023.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của Nguyễn Thị H; Nguyễn Hữu T; Phạm Thị Ngọc H; Nguyễn Thị T; Võ Phương Hồng T về việc yêu cầu chia quyền sử dụng đất cấp cho hộ thửa 704; 705 do rút đơn yêu cầu.

#### 2.4 Về nợ chung:

Anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả nợ cho đại lý thức ăn K. Chị Đình thị Thùy T là đại diện cho đại lý thức ăn K thống nhất để anh T có trách nhiệm trả nợ và hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2.5 Về chi phí tố tụng: anh T chịu 12.763.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng) và có trách nhiệm giao lại cho chị K vào ngày 05/9/2023.

#### 2.6 Về án phí:

- Chị Trần Thị K tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và phải chịu 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) án phí được chia tài sản (đã được giảm 50%).

- Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và 40.294.000đ (bốn mươi triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng) án phí được chia tài sản (đã được giảm 50%).

#### *\* Hoàn lại tiền tạm ứng án phí như sau:*

- Hoàn lại cho chị Trần Thị K 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 49796 ngày 11/5/2021; 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008067 ngày 25/11/2021; 32.763.000đ (ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008216 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Thanh T 30.821.000đ (ba mươi triệu tám trăm hai mươi một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008272 ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị H 2.486.000đ (hai triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008459 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

- Hoàn lại cho Nguyễn Hữu T 2.486.000đ (hai triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008458 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

- Hoàn lại cho Võ Phương Hồng T 2.486.000đ (hai triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008457 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T 2.486.000đ (hai triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008456 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Hoàn lại cho Phạm Thị Ngọc H 2.486.000đ (hai triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008460 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T, H. Đ;
- Hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Văn Lắm**